TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2022
"V*/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Lê Thị Minh Khánh.
2.Bà Phạm Thị Tuyết Trinh.
- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - T ký Tòa án nhân dân tỉnh B.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên toà*:* Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày30 tháng 5 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXX-ST ngày20/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐ-ST ngày 05/7/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm: 1994. (vắng mặt).
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Hòa Nội, xã Khám Lạng, huyện LN, tỉnh B.
*** Bị đơn:** Chị Đào Thị C, sinh năm: 1998. (vắng mặt).
Nơi ĐKHKTT: Thôn Hòa Nội, xã Khám Lạng, huyện LN, tỉnh B (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của chị Đào Thị C tại Việt Nam là thôn Hòa Nội, xã Khám Lạng, huyện LN, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai ngày 30/5/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Hoàng Văn Q trình bày:

Anh và chị Đào Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khám Lạng,

huyện LN, tỉnh B ngày 10/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Hòa Nội, xã Khám Lạng, huyện LN, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối 2020 thì chị C đã đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài nhưng không được sự đồng ý của anh, anh đã nhiều lần gọi điện khuyên chị C về nước để vợ chồng cùng nhau nuôi dậy con cái nhưng chị C vẫn không về nước, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và cũng ít khi liên lạc với nhau và cả hai đều thống nhất ly hôn để giải phóng cho nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị C.

-Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 05/11/2016 và cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 24/10/2018. Hiện nay, hai cháu đang do anh nuôi dưỡng. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Q còn trình bày: Hiện nay chị C vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị C ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh đã liên lạc hỏi chị C nhưng chị C không cung cấp địa chỉ cho anh được biết, chị C vẫn liên lạc về cho mẹ đẻ chị C là bà Lê Thị Nụ, sinh năm 1977, trú tại: Khu phố chợ Thanh Xuân, phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô, huyện LN, tỉnh B, nhưng bà Nụ cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị C được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị C.

Bị đơn chị Đào Thị C không có bản tự khai.

Ngày 04/6/2022 và ngày 15/6/2022 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị C là ông Đào Xuân Hội, sinh năm 1970, trú tại: Khu phố chợ Thanh Xuân, phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô, huyện LN, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Hội thông báo cho chị C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung giữa anh Hoàng Văn Q và chị Đào Thị C; yêu cầu chị C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà Nụ cung cấp địa chỉ cụ thể của chị C ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông Hội vẫn giữ nguyên quan điểm là chị C ở nước ngoài vẫn

Tờng xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại và mạng xã hội nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị C ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị C, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị C biết để chị C gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị C gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Đào Thị C vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử, chủ tọa phiên tòa thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Q; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị C là ông Đào Xuân Hội và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Hoàng Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị C không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị C; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Đào Thị C là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Tờng vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Văn Q được ly hôn chị Đào Thị C.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 05/11/2016 và cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 24/10/2018 cho anh Hoàng Văn Q là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh Q không yêu cầu. Chị Đào Thị C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

Về án phí : Anh Hoàng Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Anh Hoàng Văn Q là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn Q.

Đối với bị đơn chị Đào Thị C vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị C là ông Đào Xuân Hội để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Hội thông báo cho chị C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Hoàng Văn Q và chị Đào Thị C; Yêu cầu chị C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Hội cung cấp địa chỉ cụ thể của chị C ở nước ngoài. Ông Đào Xuân Hội trình bày: Chị C ở nước ngoài vẫn Tòng xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Hội vẫnkhông cung cấp địa chỉ, tin tức của chị C cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Cbiết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Đào Thị C theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Anh Hoàng Văn Q là nguyên đơn có đơn xin ly chị Đào Thị C, chị C hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 11187/QLXNC-P5 ngày 01/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị C đã xuất cảnh ngày 13/11/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị C ở Việt Nam là: Thôn Hòa Nội, xã Khám Lạng, huyện LN, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về quan hệ Hôn nhân**: Anh Hoàng Văn Q và chị Đào Thị C kết hôn ngày 10/10/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khám Lạng, huyện LN, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Q trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Hòa Nội, xã Khám Lạng, huyện LN, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối 2020 thì chị C đã đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài nhưng không được sự đồng ý của anh, anh đã nhiều lần gọi điện khuyên chị C về nước để vợ chồng cùng nhau nuôi dậy con cái nhưng chị C vẫn

không về nước, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và cũng ít khi liên lạc với nhau và cả hai đều thống nhất ly hôn để giải thoát cho nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị C.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn Q. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Q và chị C chung sống với nhau hạnh phúc, trong quá trình chung sống thì vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì. Năm 2020 chị C đã đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài nhưng không được sự đồng ý của anh Q, nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chỉ liên lạc với nhau để hỏi han con cái, độc lập về kinh tế vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn Q. Xử cho anh Hoàng Văn Q được ly hôn với chị Đào Thị C.

[**4]. Về con chung**: Anh Hoàng Văn Q và chị Đào Thị C có 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 05/11/2016 và cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 24/10/2018. Hiện nay hai cháu D và T đang ở với anh Q, ly hôn anh Q đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Q.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Q: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị C đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Đào Thị C từ khi đi nước ngoài thì 2 cháu Hoàng Ngọc D và cháu Hoàng Minh T vẫn do anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình Tòng về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn Q về nuôi con chung. Giao cho anh Hoàng Văn Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 05/11/2016 và cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 24/10/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Sau khi ly hôn chị Đào Thị C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Đào Thị C về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy đinh tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5] .Về tài sản, công nợ: Anh Hoàng Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Hoàng Văn Q phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho anh Hoàng Văn Q được ly hôn với chị Đào Thị C.

2.Về nuôi con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Ngọc D, sinh ngày 05/11/2016 và cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 24/10/2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Đào Thị C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Đào Thị C về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy đinh tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Anh Hoàng Văn Q phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000438 ngày 30/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Hoàng Văn Q đã nộp đủ.

4.**Về quyền kháng cáo bản án**: Anh Hoàng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Đào Thị C hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Khám Lạng, LN, tỉnh B.
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Khánh Phạm Thị Tuyết Trinh **Trần Thị Hà**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Long Lý Đình Đạt **Trần Thị Hà**